

Bản án số: 370/2023/DS-PT
Ngày 20 – 6 – 2023
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưu

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLPT-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2023, về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1862/2022/DS-ST, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 991/2023/QĐ-PT, ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Thiều Thị Lệ T, sinh năm 1969; (có mặt)

2. Bà Đặng Thị Thanh T1, sinh năm 2001; (có mặt)

3. Bà Đặng Thị Mỹ T2, sinh năm 2003; (có mặt)

Cùng địa chỉ: A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Quốc V, sinh năm 1979 (Theo hợp đồng ủy quyền số 03899 ngày 05, 08/3/2021, có mặt).

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1940; Địa chỉ: A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn X, sinh năm 1938; Địa chỉ: Số A N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo giấy ủy quyền số 009826 ngày 19/10/2018, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ: Luật sư Vũ Đình T3, Luật sư Văn phòng L4, Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: 5 Đ, Phường A, Quận A, Tp .; (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980; Địa chỉ: B L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công T4, sinh năm 1968; Địa chỉ: 1 Á, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo giấy ủy quyền số ngày 022783, có mặt)

2. Bà Đặng Thị T5, sinh năm 1955; Địa chỉ: 2 L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (xin vắng mặt).

3. Bà Đặng Ngọc D1, sinh năm 1956; Địa chỉ: 1 M, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (xin vắng mặt)

4. Ông Đặng Ngọc T6, sinh năm 1963; Địa chỉ: C tổ A, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

5. Ông Đặng Ngọc L (chết năm 2002).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

5.1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1941; Địa chỉ: C A, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Ông Đặng Ngọc C, sinh năm 1966; Địa chỉ: E ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1971; Địa chỉ: E ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.4. Ông Đặng Ngọc B, sinh năm 1973; Địa chỉ: E ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

5.5. Ông Đặng Ngọc T7, sinh năm 1968; Địa chỉ: 5 ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

5.6. Ông Đặng Ngọc T8, sinh năm 1965; (vắng mặt).

5.7. Ông Đặng Ngọc H1, sinh năm 1961; (vắng mặt).

Địa chỉ: I ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.8. Bà Đặng Ngọc H2 (Đặng Thị H3), sinh năm 1963; Địa chỉ: B N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thiều Thị Lệ T là ông Lê Quốc V trình bày:*

Nguồn gốc căn nhà số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Đặng Văn P (chết năm 1967) và bà Dương Thị L2 (chết ngày 27/12/2007) tạo lập, chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng được cấp phép và khai nhận di sản theo giấy phép số 846/GP/UB ngày 06/8/1991 nội dung chuyển dịch tài sản của người chết cho vợ là Dương Thị L2, các con gồm Đặng Thị Đ và Đặng Ngọc M căn cứ vào trích lục trước bạ nhà đất số 177/TS-CT ngày 28/3/2018 của Cục thuế Thành phố H. Theo quy định của pháp luật về nhà đất việc khai nhận này là thể hiện phần tài sản của ông P đã được chuyển dịch qua cho vợ và con của mình nên việc xem xét chia thừa kế phần tài sản của ông P chết để lại là còn thời hiệu và có cơ sở.

Ông P và bà L2 có 2 người con chung gồm:

1. Bà Đặng Thị Đ.

2. Ông Đặng Ngọc M (chết năm 2007): Vợ là bà Thiều Thị Lệ T, 03 người con gồm bà Nguyễn Thị Ngọc D (con riêng), bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2.

Ông P có con riêng nhưng nguyên đơn không biết là ai.

Ông P chết không để lại di chúc, bà L2 chết có để lại di chúc. Theo di chúc, bà L2 định đoạt phần nhà thuộc sở hữu riêng của mình và phần bà L2 được hưởng thừa kế của chồng đối với căn nhà này như sau:

+ Đặng Thị Đ được hưởng 5/6 giá trị phần nhà trên.

+ Đặng Ngọc M được hưởng 1/6 giá trị phần nhà trên.

Giá trị căn nhà được xác định theo giá thị trường vào thời điểm chia thừa kế.

Bà T, bà T2, bà T1 có hộ khẩu hợp pháp từ khi bà T làm vợ của ông M và các con được sinh ra, cả ba đều cư trú, ở và quản lý trong căn nhà này cho đến hiện nay.

Hiện nay căn nhà 196 Lê Hồng P1 được bà Đ cho thuê, tiền thuê nhà do bà Đ thu giữ một mình, không chia cho các đồng thừa kế, nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh về việc cho thuê nhà này. Nguyên đơn cũng không bỏ ra bất kỳ chi phí nào để sửa chữa nhà, không đóng thuế phí gì cho Nhà nước tất

cả do bà Đ thực hiện vì các con của nguyên đơn bà T chưa đủ tuổi thành niên và nguyên đơn bà T là dâu trong nhà nên không thực hiện được.

Căn nhà trên là tài sản tranh chấp nhưng bà Đ sử dụng cho thuê giá 30 triệu/tháng, phần thu nhập này bà Đ không chia cho các đồng thừa kế khác. Nguyên đơn có yêu cầu được xem xét đối với phần tiền này nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì bị đơn và người thuê nhà không lập hợp đồng thuê nhà, nhưng các chứng thư định giá được thể hiện có người thuê.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của bà Dương Thị L2 theo di chúc ngày 13/10/1995 nhưng trong di chúc cho ông Đặng Ngọc M không có hiệu lực nên yêu cầu chia theo pháp luật cho các con của ông M là bà T1, bà T2 và bà D do ông M chết trước bà L2; Chia thừa kế phần di sản của ông M được hưởng từ cha mình là ông P, được khai nhận vào năm 1991 cho những người thuộc hàng thừa kế của ông M là: bà Thiều Thị Lệ T - vợ ông M, các người con là bà Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Các đương sự thỏa thuận quy đổi số vàng bà Đ giao cho bà T và bà D nhận tổng cộng 30 lượng vàng (bà T nhận trực tiếp 20 lượng vàng bà D nhận trực tiếp 10 lượng vàng) với giá vàng SJC tương đương 6.990.000 đồng/chỉ SJC x 30 lượng = 2.097.000.000 đồng (Các bên thỏa thuận lấy giá vàng được niêm yết tại Công ty TNHH MTV V1 ngày 24/5/2022). Nguyên đơn bà T xác nhận có nhận 20 lượng vàng SJC của bà Đ theo tờ cam kết ngày 11/9/2009 và đồng ý trả lại cho bị đơn số tiền tương đương 20 lượng vàng SJC là 6.990.000 đồng/chỉ SJC x 20 lượng = 1.398.000.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả tại Chứng thư thẩm định giá số 12/2022/CTTDG-VNV ngày 08/7/2022 của Công ty TNHH G và thẩm định giá Đất Việt đối với nhà, đất số 196 L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 45.581.000.000 đồng để chia thừa kế và yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả chứng thư này để làm căn cứ xét xử.

** Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2 trình bày: Đồng ý và thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Thiều Thị Lệ T.*

** Tại các bản tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Đ là ông Đỗ Văn X và bà Vũ Thị Thùy D2 trình bày:*

Thống nhất với nguyên đơn về nguồn gốc tạo lập nhà đất số A L là của ông P và bà L2.

Quá trình chung sống ông P và bà L2 có 02 người con chung thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 676 Bộ Luật Dân sự 2005 gồm:

1. Bà Đặng Thị Đ;

2. Ông Đặng Ngọc M (chết năm 2007) có vợ là bà Thiều Thị Lệ T và 03 con là bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Ngoài ra, ông Đặng Văn P còn có 02 người vợ khác và 06 người con riêng như sau:

* Ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L3 chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn, có 05 người con chung gồm:

1. Ông Đặng Ngọc C1 (chết năm 1974 không vợ con).

2. Ông Đặng Ngọc T9 (chết năm 1978 không vợ con).

3. Bà Đặng Thị T5;

4. Ông Đặng Ngọc D1;

5. Ông Đặng Ngọc T6;

* Ông P có chung sống với người khác nhưng không có đăng ký kết hôn (các đương sự không rõ họ tên và xác định đã chết) có 01 người con chung là: Ông Đặng Ngọc L (chết năm 2012) có vợ là bà Phạm Thị L1, 7 người con gồm các ông bà là Đặng Ngọc C, Đặng Ngọc H, Đặng Ngọc B, Đặng Ngọc T7, Đặng Ngọc T8, Đặng Ngọc H1, Đặng Ngọc H2 (tên gọi khác là Đặng Thị H3). Đối với việc ông P chung sống với người khác không liên quan đến tài sản thuộc quyền sở hữu của ông P, bà L2.

Ngày 11/01/2009, bà Đ, bà T và bà D cùng thỏa thuận thống nhất phần di sản thừa kế theo di chúc của bà L2 chết để lại là 1/2 nhà đất số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh có trị giá là 250 lượng vàng, phần ông M được hưởng theo di chúc tương đương 40 lượng vàng. Cùng ngày bà T, bà D và bà Đ thỏa thuận lập Tờ cam kết với nội dung cam kết phân chia di sản thừa kế theo di chúc của bà L2 mà các bên đã ký kết tại tờ thỏa thuận và cam kết ngày 10/9/2009, bà Đ đã giao cho bà T và các con của ông M cùng nhận 30 lượng vàng. Còn 10 lượng vàng SJC bà Đ chưa giao lại cho các đồng thừa kế của ông M do chưa xong giấy tờ thủ tục sang tên theo như thỏa thuận trong cam kết.

Ngày 05/7/2017, bà Đ lập vi bằng tại văn phòng T11 ghi nhận nội dung bà Đ đã thanh toán số tiền tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của ông Đặng Ngọc L gồm Phạm Thị L1, Đặng Ngọc C, Đặng Ngọc H, Đặng Ngọc B, Đặng Ngọc T7, Đặng Ngọc T8, Đặng Ngọc H1, Đặng Ngọc H2 (tên gọi khác là Đặng Thị H3) được nhận 200.000.000 đồng do các con của ông L đại diện nhận.

Cùng ngày 05/7/2017, bà Đ lập vi bằng tại văn phòng T11 ghi nhận nội dung bà Đ đã thanh toán số tiền tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của ông Đặng Văn P (chết ngày 02/4/1967), ông Đặng Ngọc T9

(chết ngày 12/4/1982), ông Đặng Ngọc C1 (chết ngày 15/4/1974) gồm bà Đặng Thị L3, ông Đặng Ngọc T6, ông Đặng Ngọc D1, bà Đặng Thị T5 được nhận 600.000.000 đồng.

Hiện nay nhà đất tại A L bà Đ không cho thuê mượn gì chỉ có cho bà Nguyễn Thị B1 mượn mặt bằng để kinh doanh.

Các đương sự thỏa thuận quy đổi số vàng bà Đ giao cho bà T và bà D nhận 30 lượng vàng với giá quy đổi giá vàng SJC tương đương 6.990.000 đồng/chỉ SJC x 30 lượng = 2.097.000.000 đồng (Các bên thỏa thuận lấy giá vàng được niêm yết tại Công ty TNHH MTV V1 ngày 24/5/2022). Trong đó bà T nhận trực tiếp 20 lượng vàng, bà D nhận trực tiếp 10 lượng vàng. Yêu cầu Tòa án khấu trừ số vàng mà các đồng thừa kế của ông M đã nhận trước đây vào phần tài sản mà các đồng thừa kế của ông M được hưởng. Đối với các đồng thừa kế khác bà Đ đã thực hiện thanh toán xong trị giá kỷ phần thừa kế mà các đồng thừa kế của ông P được nhận thừa kế nên bà Đ yêu cầu công nhận phần đã thanh toán thuộc quyền sở hữu của bà Đ.

Bà Đ có sửa chữa nhà trong quá trình sử dụng nhà nhưng bà Đ không yêu cầu xem xét chi phí sửa chữa nhà. Bà Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản lại. Bà Đ xác định không có ai thuê nhà như bên nguyên đơn khai.

Bà Đ đồng ý với nguyên đơn về việc căn cứ kết quả tại chứng thư thẩm định giá số 12/2022/CTTDG-VNV ngày 08/7/2022 của Công ty TNHH G và thẩm định giá Đất Việt đối với nhà, đất số 196 L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 45.581.000.000 đồng để tính giá trị nhà xét xử.

Bị đơn bà Đặng Thị Đ có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên bố đối với phần di sản của ông P chết năm 1976 đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Bà Đ là người trực tiếp quản lý, sử dụng nộp thuế nhà đất, tôn tạo gìn giữ tài sản nên yêu cầu Tòa án công nhận phần di sản của ông P chết để lại cho bà Đ được toàn quyền sở hữu theo quy định tại Điều 623 Bộ Luật Dân sự. Bà Đ yêu cầu nhận sở hữu toàn bộ nhà đất 196 L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đ sẽ có trách nhiệm thanh toán trị giá phần tài sản mà các đồng thừa kế được nhận theo quy định pháp luật. Đối với di chúc ngày 13/10/1995 bị vô hiệu phần bà L2 để lại tài sản cho ông M vì ông M chết trước bà L2 nên yêu cầu chia theo quy định pháp luật. Đối với số vàng 30 lượng mà bà Đ đã giao cho các đồng thừa kế của ông M nhận vào năm 2009 phải được khấu trừ vào phần thừa kế mà các đồng thừa kế của ông M được hưởng thừa kế của bà L2. Đồng thời yêu cầu Tòa án miễn nộp tiền án phí lệ phí nếu có do bà Đ thuộc trường hợp người cao tuổi (sinh năm 1940).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Ngọc T6, ông Đặng Ngọc D1, bà Đặng Thị T5 cùng trình bày:

Ông T6, ông D1 và bà T5 đều khai xác định đã tự nguyện thỏa thuận theo văn bản thỏa thuận, xác nhận và cam kết ngày 05/7/2017 thực hiện nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng tương ứng với kỷ phần thừa kế của mỗi người do bà Đ thanh toán cho các đồng thừa kế. Ông T6, ông D1, bà T5 vào ngày 05/7/2017 có lập vi bằng tại văn phòng T11 nên ông bà xác định không yêu cầu chia thừa kế, không tranh chấp gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án công nhận kỷ phần thừa kế của ông bà cho bà Đ được nhận và đồng ý giao nhà đất số A L cho bà Đ trọn quyền sở hữu.

Ông T6, ông D1 và bà T5 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án Nhân dân các cấp.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Đồng ý với trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất, bà D yêu cầu hưởng thừa kế di sản của ông M theo quy định pháp luật.

Bà D thừa nhận có nhận của bà Đ 10 lượng vàng, nay quy đổi giá vàng SJC tương đương 6.990.000 đồng/chỉ SJC x 10 lượng = 699.000.000 đồng (Các bên thỏa thuận lấy giá vàng được niêm yết tại Công ty TNHH MTV V1 ngày 24/5/2022).

Đồng ý kết quả của Chứng thư thẩm định giá số 12/2022/CTTDG-VNV ngày 08/7/2022 của Công ty TNHH G và thẩm định giá Đất Việt đối với nhà, đất số 196 L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 45.581.000.000 đồng để chia thừa kế. Yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1862/2022/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 618, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 667, khoản 1 Điều 676 Bộ Luật dân sự 2005; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 25 và khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Áp dụng án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị Đ.

- Xác định nhà, đất tại địa chỉ số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 846/GP-UB ngày 06/8/1991 của Ủy ban Nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Văn P (chết năm 1967) và bà Dương Thị L2 (chết năm 2007) là di sản ông Đặng Văn P và bà Dương Thị L2.

- Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Văn P (chết năm 1967) gồm: Bà Dương Thị L2, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Ngọc M (có người thừa kế theo pháp luật là bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D), ông Đặng Ngọc C1, ông Đặng Ngọc T9, bà Đặng Thị T5, ông Đặng Ngọc D1, ông Đặng Ngọc T6 và ông Đặng Ngọc L (có người thừa kế theo pháp luật là bà Phạm Thị L1, ông Đặng Ngọc C, ông Đặng Ngọc H, ông Đặng Ngọc B, ông Đặng Ngọc T7, ông Đặng Ngọc T8, ông Đặng Ngọc H1, bà Đặng Ngọc H2 - tên gọi khác là Đặng Thị H3).

- Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Ngọc C1 (Chết năm 1974) và ông Đặng Ngọc T9 (chết năm 1978) là bà Đặng Thị L3.

- Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Ngọc M (chết năm 2007) gồm: Bà Dương Thị L2, bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

- Xác định những người được hưởng thừa kế của bà Dương Thị L2 (chết năm 2007) gồm: Bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Ngọc M (chết năm 2007) có người thừa kế thế vị là bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Bà Đặng Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2 tổng số tiền tương đương với kỷ phần thừa kế được hưởng của ông M là 1.556.324.076 đồng. Trong đó, bà T được nhận 266.798.413 đồng, bà T1 được nhận 644.762.831 đồng, T2 được nhận 644.762.831 đồng.

Bà Đặng Thị Đ có trách nhiệm thanh toán thêm cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được nhận số tiền tương đương với kỷ phần thừa kế được hưởng của ông M là 524.934.260 đồng.

Giao cho bà Đặng Thị Đ được nhận và toàn quyền sở hữu sử dụng nhà, đất số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 846/GP-UB ngày 06/8/1991 của Ủy ban Nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay sau khi bà Đ thanh toán đủ cho bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền được nêu trên thì bà Đ được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu đối với nhà đất A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên bà Đặng Thị Đ theo quy định pháp luật.

Việc giao tiền và nhận nhà được tiến hành cùng lúc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Buộc bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2 và những người đang sinh sống tại nhà đất số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nếu có) phải giao trả lại toàn bộ nguyên trạng nhà, đất số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Đặng Thị Đ được nhận toàn quyền sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật khi nhận đủ tiền do bà Đ giao và khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí; quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, các nguyên đơn bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Đặng Thị Thanh T1 kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Án sơ thẩm xử là không khách quan, chưa toàn diện, không đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không áp dụng đúng quy định của pháp luật dân sự tính thời hiệu thừa kế, xác định quan hệ thừa kế đã hết thời hiệu, phân chia di sản không hợp tình hợp lý gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của nguyên đơn. Do vậy, các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo trình tự phúc thẩm để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 05/9/2022 và ngày 13/9/2022.

Sau khi nghe nguyên đơn có kháng cáo trình bày yêu cầu kháng cáo, thì các đương sự là nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2; bị đơn Đặng Thị Đ cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Văn X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D do ông Huỳnh Công T4 làm đại diện theo ủy quyền cùng thỏa thuận giải quyết như sau:

- Các nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2; bị đơn là bà Đặng Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định nhà, đất tại số A, L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là nhà, đất tại số A) là di sản của ông Đặng Văn P và bà Dương Thị L2 để lại. Hiện các nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2 đang cư trú tại nhà, đất số 196 nên khi chia thừa kế nhà, đất tại số A: Bà Đặng Thị Đ tự nguyện chia thêm cho các nguyên đơn T, T1, T2 số tiền chung là 3.100.000.000 đồng (ba tỷ một trăm triệu đồng) không tính vào 20 (hai mươi) lượng vàng SJC bà Đ đã chia theo Tờ cam kết ngày 11/9/2009; chia cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 700.000.000

đồng (bảy trăm triệu đồng), không tính vào 10 (mười) lượng vàng SJC bà Đ đã chia theo Tờ thỏa thuận và cam kết ngày 10/9/2009.

- Các nguyên đơn T, T1, T2 có nghĩa vụ di dời tài sản cá nhân và giao trả nhà, đất tại số A cho bị đơn Đặng Thị Đ trong thời hạn 03 (ba) tháng, tính từ ngày bà Đ giao đủ cho các nguyên đơn T, T1, T2 số tiền 3.100.000.000đ (ba tỷ một trăm triệu đồng).

- Bà Đặng Thị Đ được quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu đất ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tại số A ngay sau khi bà Đ đã giao đủ cho các nguyên đơn T, T1, T2 số tiền 3.100.000.000đ (ba tỷ một trăm triệu đồng) và giao đủ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D số tiền được chia là 700.000.000 đồng.

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự tự chịu theo quy định của pháp luật.

- Luật sư T3 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Đối với kháng cáo của các nguyên đơn, xét: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có kháng cáo đã cùng với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông T4 đại diện cho bà D) tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ kháng cáo như nêu trên. Đây là thỏa thuận tự nguyện đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 05/10/2022 đến ngày 14/10/2022 các nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2 có đơn kháng cáo nên kháng cáo của các nguyên đơn là trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo bà Nguyễn Thị Ngọc D vắng mặt lần 2 không lý do; bà Đặng Thị T5, ông Đặng Ngọc D1, ông Đặng Ngọc T6 có đơn xin vắng mặt; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc Lơ 1 bà Phạm Thị L1, ông Đặng Ngọc C, ông Đặng Ngọc H, ông Đặng Ngọc B, ông Đặng

Ngọc T7, ông Đặng Ngọc T8, ông Đặng Ngọc H1, bà Đặng Ngọc H2 (tên gọi khác là Đặng Thị H3) có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự là nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2; bị đơn Đặng Thị Đ cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Văn X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D do ông Huỳnh Công T4 làm đại diện theo ủy quyền cùng thỏa thuận giải quyết toàn bộ kháng cáo như đã nêu trên. Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Nên căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát; chấp nhận đề nghị của luật sư; Sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như nêu trên.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đồng thừa kế cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỹ phần thừa kế mà mỗi người được nhận.

- Bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 thuộc hộ cận nghèo đã được Ủy ban Nhân dân Phường D3, Quận E xác nhận nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1940 thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu trên số tiền thực nhận theo thỏa thuận tại phiên tòa là 700.000.000 đồng (không tính số tiền trị giá 10 lượng vàng SJC đã nhận theo thỏa thuận năm 2009).

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các nguyên đơn có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 618, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 667 và khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 25 và khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Áp dụng án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời

hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2; sửa bản án dân sự sơ thẩm số Bản án dân sự sơ thẩm số: 1862/2022/DS-ST, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự liên quan đến phần có kháng cáo.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2; Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bị đơn bà Đặng Thị Đ.

2.1. Xác định nhà, đất tại địa chỉ số A L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 846/GP-UB ngày 06/8/1991 của Ủy ban Nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Văn P (chết năm 1967) và bà Dương Thị L2 (chết năm 2007) là di sản ông Đặng Văn P và bà Dương Thị L2.

2.2. Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Văn P (chết năm 1967) gồm: Bà Dương Thị L2, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Ngọc M (có người thừa kế theo pháp luật là bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D), ông Đặng Ngọc C1, ông Đặng Ngọc T9, bà Đặng Thị T5, ông Đặng Ngọc D1, ông Đặng Ngọc T6 và ông Đặng Ngọc L (có người thừa kế theo pháp luật là bà Phạm Thị L1, ông Đặng Ngọc C, ông Đặng Ngọc H, ông Đặng Ngọc B, ông Đặng Ngọc T7, ông Đặng Ngọc T8, ông Đặng Ngọc H1, bà Đặng Ngọc H2 - tên gọi khác là Đặng Thị H3).

2.3. Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Ngọc C1 (Chết năm 1974) và ông Đặng Ngọc T9 (chết năm 1978) là bà Đặng Thị L3.

2.4. Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Ngọc M (chết năm 2007) gồm: Bà Dương Thị L2, bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

2.5. Xác định những người được hưởng thừa kế của bà Dương Thị L2 (chết năm 2007) gồm: Bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Ngọc M (chết năm 2007) có người thừa kế thế vị là bà Đặng Thị Thanh T1 và bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

3. Bà Đặng Thị Đ tự nguyện chia thêm cho các nguyên đơn Thiều Thị Lệ T10, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2 số tiền chung là 3.100.000.000 đồng

(ba tỷ, một trăm triệu đồng) không tính vào 20 (hai mươi) lượng vàng SJC bà Đ đã chia theo Tờ cam kết ngày 11/9/2009; chia thêm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), không tính vào 10 (mười) lượng vàng SJC bà Đ đã chia theo Tờ thỏa thuận và cam kết ngày 10/9/2009.

3.1. Các nguyên đơn Thiều Thị Lệ T, Đặng Thị Thanh T1, Đặng Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ di dời tài sản cá nhân và giao trả nhà, đất tại số A, L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho bị đơn Đặng Thị Đ trong thời hạn 03 (ba) tháng; tính từ ngày bà Đ giao đủ cho các nguyên đơn T, T1, T2 số tiền được chia 3.100.000.000 đồng (ba tỷ một trăm triệu đồng).

3.2. Bà Đặng Thị Đ được quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tại số A, L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bà Đ đã giao đủ cho các nguyên đơn T, T1, T2 số tiền 3.100.000.000 đồng (ba tỷ một trăm triệu đồng) và giao đủ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D số tiền được chia là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 và bà Đặng Thị Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thiều Thị Lệ T, bà Đặng Thị Thanh T1, bà Đặng Thị Mỹ T2 không phải nộp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (16);
- Lưu VT (5), HS (2), 28b, (ÁN09)

Nguyễn Văn TỬ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Đức Phương Huỳnh Thanh Duyên

Nguyễn Văn TỬ